

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Thỏ
Ông Hoàng Văn Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khánh Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã
Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham
gia phiên tòa:*** Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 05 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh P, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: Cty A.

- Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà T, đường U, khóm R, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 16/02/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trịnh P trình bày:

Bà và ông Nguyễn T được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn vào ngày 22/3/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng bà sống rất vui vẻ, hạnh phúc, thời gian về sau bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà và ông T đã ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay. Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn T.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn T có hai con chung tên Nguyễn D, sinh ngày 25/10/2007 và cháu Nguyễn S, sinh ngày 31/3/2016. Cháu D nghỉ học từ lớp 6, nhưng khoảng một năm nay thì đi lên chợ nông sản đầu mỗi quận H, thành phố H làm, tự kiếm tiền nuôi sống bản thân được; còn đứa nhỏ tên S thì hiện đã học hết lớp 1, vào học sẽ học lớp 2, đang sống chung với ông T, bà trước đây cũng có bắt con để nuôi nhưng ông T bắt lại để dành nuôi con, bà cũng thường xuyên liên lạc với con bằng gọi điện thoại, bà đồng ý tiếp tục giao hai con cho ông T nuôi dưỡng vì hai đứa có nguyện vọng sống với cha nó (sống với ông T). Bà sẽ cấp dưỡng nuôi con chung tên S một tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Trịnh P được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới, ông và bà P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Hai vợ chồng sống chung đã có hai con chung là cháu Nguyễn D, sinh ngày 25/10/2007 và cháu Nguyễn S, sinh ngày 31/3/2016, hiện nay cháu D đi làm thuê ở thành phố và cháu S đang sống với ông. Quá trình sống chung thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau, sau khi cãi nhau thì sống ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay, cũng có nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Tại phiên tòa ông cũng đồng ý ly hôn với bà Trịnh P. Về con chung ông yêu cầu nuôi hai con chung cháu Nguyễn D, sinh ngày 25/10/2007 và cháu Nguyễn S, sinh ngày 31/3/2016, ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng ông không yêu cầu xem xét.

3/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn có mặt đã chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà P được ly hôn với ông T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn D, sinh ngày 25/10/2007 và cháu Nguyễn S, sinh ngày 31/3/2016 cho ông T nuôi dưỡng; Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho bà P theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: ông T không yêu cầu nhưng bà P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu S mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận cấp dưỡng chỗ cháu S và không xem xét cấp dưỡng chỗ cháu D. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trịnh P vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn T và bà Trịnh P là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà P là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa ông T và bà P, theo bà P cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau như vợ chồng được nữa nên nhất định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn T; Còn ông T trình bày giữa ông và bà P cũng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến hai vợ chồng ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay cũng không thể hàn gắn lại với nhau, tại phiên tòa thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà P. Xét thấy, nền tảng của mỗi quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông T và bà P đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay không ai quan tâm đến ai, bà P yêu cầu ly hôn, ông T cũng đồng ý ly hôn, tình trạng mâu thuẫn giữa ông T và bà P là trầm trọng không thể khắc phục. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P, cho bà P được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn T và bà Trịnh P có hai con chung là cháu Nguyễn D, sinh ngày 25/10/2007 và cháu Nguyễn S, sinh ngày 31/3/2016, theo ông T và bà P thống nhất trình bày thì hiện nay cháu D và cháu S đều do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu D và cháu S đều đã hơn 07 tuổi, đều có nguyện vọng sống chung với ông T, bà P giao hai con chung cho ông T nuôi dưỡng, ông T cũng có yêu cầu nuôi hai con chung. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Giữa ông T và bà P thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giao hai con chung cho ông T nuôi, phù hợp môi trường sống và nguyện vọng của hai cháu, không làm xáo trộn môi trường sống của hai cháu và không làm ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu cho nên Hội đồng xét xử ghi nhận và quyết định giao cháu D, cháu S cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho bà P không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về cấp dưỡng đối với cháu D. Còn đối với cấp dưỡng cho cháu S bà P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cháu S hàng tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nên

Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà P cấp dưỡng nuôi cháu S. Buộc bà P cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn S, sinh ngày 31/3/2016 cho đến khi cháu S đủ 18 (mười tám) tuổi, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 28/6/2024.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Trịnh P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng, tổng cộng phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), nhưng bà Trịnh P được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 002606 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Ông Nguyễn T không phải chịu án phí.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Ngọc Phi.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh P được ly hôn với ông Nguyễn T.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn D, sinh ngày 25/10/2007 và cháu Nguyễn S, sinh ngày 31/3/2016 cho ông Nguyễn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Bà Trịnh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

+ Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn D, sinh ngày 25/10/2007 Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn S, sinh ngày 31/3/2016: Buộc bà Trịnh P cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn S, sinh ngày 31/3/2016 đến khi cháu S đủ 18 (mười tám) tuổi, mức cấp dưỡng mỗi tháng

2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 28/6/2024.

4/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Bà Trịnh P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tổng cộng bà Trịnh P phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), nhưng bà Trịnh P được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 002606 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Ông Nguyễn T không phải chịu án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường A, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký và đóng dấu**

Đặng Thị Vàng